

NHẬN XÉT VỀ DỰ THẢO LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP VÀ LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) rất hân hạnh có cơ hội được đóng góp ý kiến cho Dự thảo về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT).

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

1.1 Nhận xét chung

Chúng tôi nhận thấy Dự thảo Luật lần này chưa có phần định nghĩa các thuật ngữ và khái niệm cơ bản. Đây là vấn đề của các Luật thuế hiện hành, dẫn tới việc áp dụng khác nhau và không nhất quán. Ví dụ, hai khái niệm “thu nhập phát sinh” và “chi phí phát sinh” là không được định nghĩa. Vì vậy, đối tượng nộp thuế sẽ không hiểu rõ khi nào 1 khoản thu nhập phải chịu thuế và khoản thu nhập nào được coi là phát sinh tại Việt Nam và chịu thuế tại Việt Nam, và khi nào 1 khoản chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Điều này có thể dẫn tới sự không tương xứng giữa thu nhập và chi phí.

Một ví dụ khác là định nghĩa về “bất động sản” được quy định ở các văn bản thuế riêng.

Chúng tôi đề nghị rằng các thuật ngữ then chốt cần phải được quy định trong luật để tránh sự hiểu sai và áp dụng không nhất quán trong tương lai.

Chúng tôi cũng nhận thấy Luật quá chung chung. Hầu hết các vấn đề quan trọng liên quan đến doanh nghiệp đều để cho Chính phủ ban hành hướng dẫn. Mặc dù như vậy Chính phủ sẽ linh hoạt hơn trong việc giải quyết những vấn đề mới nảy sinh đối với doanh nghiệp, nhưng ngược lại, sẽ dẫn đến việc hiểu và thực hiện không đúng với tinh thần của Luật, đặc biệt khi mà các quy định tại Luật còn quá mơ hồ và chung chung.

1.2 Nhận xét cụ thể

Điều 2.2 và 2.3: Cơ sở thường trú

Chúng tôi hiểu rằng theo điều 2.2 (b), (c) và (d), các tổ chức nước ngoài phải nộp thuế tại Việt Nam đối với các khoản thu nhập phát sinh từ Việt Nam cho dù các tổ chức này có hay không có cơ sở thường trú ở Việt Nam và khoản thu nhập có phát sinh thông qua cơ sở thường trú hay không. Dự thảo Luật lại phân biệt 3 trường hợp khác nhau nên rất khó hiểu.

Vì Việt Nam sẽ đánh thuế tất cả các nguồn thu nhập mà các tổ chức nước ngoài nhận được từ Việt Nam nên định nghĩa “cơ sở thường trú” trong Điều 2.3 không những không cần thiết mà còn có thể tạo ra nhầm lẫn. Như đã trình bày ở trên,

chúng tôi cho rằng Luật cần định nghĩa khái niệm “thu nhập phát sinh từ Việt Nam” và lấy đó làm cơ sở đánh thuế đối với doanh nghiệp thành lập theo pháp luật nước ngoài. Khái niệm này chưa được định nghĩa trong các luật thuế hiện hành, và do vậy dẫn tới những cách hiểu khác nhau.

Ngoài ra, thuật ngữ “cơ sở thường trú” được định nghĩa trong Điều 2.3 có phạm vi áp dụng rộng hơn so với phạm vi của thuật ngữ này được sử dụng trong hầu hết các Hiệp định tránh Đánh thuế hai lần ký giữa Việt Nam với các nước. Ví dụ, dự thảo Luật quy định rằng địa điểm xây dựng của một doanh nghiệp thành lập theo pháp luật nước ngoài cũng có thể được coi là một cơ sở thường trú. Trong khi đó, rất nhiều Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (ví dụ như Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ký với Malaysia và Singapore) không coi địa điểm xây dựng là cơ sở thường trú trừ phi địa điểm đó tồn tại ít nhất 6 tháng.

Vì vậy chúng ta cần xem xét để điều chỉnh định nghĩa “cơ sở thường trú” sao cho không có sự khác biệt hay không đồng nhất giữa luật thuế TNDN và các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Điều này cũng góp phần tạo sự bình đẳng trong việc áp thuế giữa các nhà đầu tư nước ngoài được hưởng lợi và những nhà đầu tư nước ngoài không được hưởng lợi từ Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ký kết với Việt Nam.

Điều 5: Thu nhập chịu thuế

Như đã trình bày trong phần nhận xét chung, thuật ngữ “bất động sản” cần được định nghĩa rõ ràng. Dự thảo lần này vẫn chưa hoàn toàn quy định cụ thể liệu một khoản thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản phải chịu sự điều chỉnh của luật thuế riêng hay khoản thu nhập này không được gộp vào thu nhập hoạt động cho mục đích tính thuế.

Điều 6: Doanh thu

Dự thảo Luật chưa quy định rõ thời điểm xác định doanh thu cho mục đích tính thuế. Chúng tôi kiến nghị rằng Luật quy định những nguyên tắc chung để xác định doanh thu. Việc liệt kê tất cả các trường hợp cụ thể trong Luật hay trong các văn bản dưới Luật là không khả thi.

Điều 7: Điều kiện xác định các khoản chi phí được khấu trừ

Tương tự, thuật ngữ “các khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp” nêu tại Điều 7.1 b) cần . Khi nào một khoản chi phí được coi là “phát sinh” – vào thời điểm nhận được hoá đơn hay khi một khoản nợ phát sinh? Thuật ngữ “liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp” rất mơ hồ. Về nguyên tắc, tất cả các khoản chi phí phát sinh của một doanh nghiệp đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đó cho dù được gọi tên như thế nào - điều này đặc biệt đúng đối với các doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, cho đến nay, doanh

nghiệp vẫn không được khấu trừ một số khoản chi phát sinh nhất định vì lí do các khoản chi phí đó “không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”. Chúng tôi cho rằng cần có định nghĩa rõ ràng về thuật ngữ này để tránh hiểu và áp dụng sai trong tương lai.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 7.2, các tổ chức có thu nhập không chia được phép trừ các khoản chi phí ghi trong điều lệ của tổ chức. Cụm từ “ghi trong điều lệ của tổ chức” cần được xoá bỏ, vì nếu ghi hết thì điều lệ sẽ rất dài và có thể có những khoản chi phát sinh ngoài dự kiến tùy theo tình hình thực tế của tổ chức ở từng địa phương (quốc gia).

Điều 8 (5): Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu được khấu trừ - Một bước lùi

Theo Dự thảo Luật, việc khấu trừ các chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, v.v.. lại quay lại áp dụng theo như các quy định cũ. Dự thảo không cho phép đối tượng nộp thuế khấu trừ phần chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu vượt quá hạn mức tiêu dùng. Điều này không rõ ràng và không thực tiễn. Các doanh nghiệp luôn muốn nâng cao hiệu quả sử dụng của nguyên vật liệu để giảm giá thành. Tuy nhiên, nếu họ hạ thấp hạn mức tiêu dùng để khuyến khích nhân viên nâng cao hiệu suất, họ sẽ gặp phải rủi ro không được khấu trừ toàn bộ. Tiêu dùng vật liệu thực tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau ví dụ như chất lượng của nguyên vật liệu, tình trạng hoạt động của thiết bị. Ngoài ra, kế toán doanh nghiệp không thể tách riêng chi phí nguyên vật liệu vượt quá hạn mức tiêu dùng để xác định các khoản chi phí không được khấu trừ.

Thông tư 134 tiến bộ hơn ở chỗ chỉ có những nguyên vật liệu bị thất lạc và được các bên khác đền bù mới không được trừ. Dự thảo Luật dường như có chiều hướng quay lại quy định cũ.

Điều 8(8) – Các khoản trích trước vào chi phí mà thực tế không chi khi hết thời hạn quy định

Chúng tôi không hoàn toàn chắc chắn đã hiểu đúng ý nghĩa của quy định. Việc xử lý thuế đối với các khoản chi trích trước trong các quy định hiện hành không rõ ràng và vì vậy trong nhiều trường hợp thu nhập và chi phí không khớp với nhau khi xác định khoản thuế. .

Điều 8 (9): Tiền thưởng được khấu trừ – Tình trạng phổ biến

Dự thảo Luật không mang lại một thay đổi tích cực nào liên quan đến tiền thưởng được khấu trừ và về cơ bản vẫn theo quy định của Thông tư 134. Điều 8.9 quy định rằng bất kỳ khoản thanh toán nào không ghi trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể đều không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Do đó, các khoản tiền thưởng không được ghi rõ trong hợp đồng lao động sẽ tiếp tục không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Về vấn đề này,

Dự thảo tiếp tục tỏ ra không thực tiễn vì việc phân bổ quỹ tiền thưởng và cơ chế phân bổ trong hầu hết các trường hợp chỉ có thể chắc chắn khi hết năm. Khoản tiền thưởng dưới bất kỳ hình thức nào đều là một phần tiền thù lao của người lao động và là một chi phí của doanh nghiệp nên phải được khấu trừ toàn bộ.

Điều 8 (12): Khấu trừ chi phí quảng cáo và tiếp thị – Một bước lùi lớn

Một vấn đề có lẽ bức xúc nhất đối với các doanh nghiệp khi xem xét 2 Dự thảo Luật thuế TNDN và thuế GTGT là Dự thảo Luật thuế TNDN vẫn đặt mức không chế chi phí quảng cáo và tiếp thị được khấu trừ và không cho phép những khoản chi phí sau được khấu trừ cho mục đích tính thuế: chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi tiếp tân, khánh tiết, chi hoa hồng môi giới, chi phí hội nghị, chi hỗ trợ khuyến mãi, chi hỗ trợ chi phí, chi phí chiết khấu thanh toán, chi báo biểu, báo tặng của các cơ quan báo chí vượt quá 10% tổng số chi phí được trừ.

Khi mà Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam và một số tổ chức có liên quan khác trong một thời gian dài đã nhiều lần kiến nghị về vấn đề này và gần đây nhất là kiến nghị về Thông tư 134 có nhiều quy định hạn chế hơn so với Công văn 1766, thì Dự thảo Luật lần này còn là một bước lùi hơn thế.

Các doanh nghiệp từ lâu đã hy vọng mức không chế chi phí quảng cáo và tiếp thị được loại bỏ hoặc ít nhất cũng phải được tăng hơn mức hiện tại.

Điều 9: Thu nhập khác – Thuế đối với tiền lãi vốn và thu nhập từ hoạt động kinh doanh ở nước ngoài

Tương tự như quy định tại Thông tư 134 về Thuế TNDN, Điều 9 của Dự thảo Luật thuế TNDN quy định miễn thuế đối với thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước. Tuy nhiên, không có quy định nào tương tự về việc miễn thuế đối với thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn cổ phần ở nước ngoài. Điều này sẽ không khuyến khích các công ty Việt Nam đang có kế hoạch đầu tư ra ngoài nước.

Nếu cổ tức nhận được từ góp vốn cổ phần ở nước ngoài phải chịu thuế ở Việt Nam, thì thời điểm áp thuế và thủ tục khấu trừ thuế đã nộp tại nước ngoài cần phải được quy định rõ ràng.

Bên cạnh đó vẫn còn một vấn đề đặt ra đối với những quy định hiện hành về khấu trừ khoản thuế đã nộp. Dường như việc khấu trừ thuế đã nộp chỉ áp dụng đối với thu nhập nhận được từ hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Đối với khoản thuế đã nộp cho các khoản thu nhập khác phát sinh ở nước ngoài, ví dụ như thu từ dịch vụ, đây là một khó khăn về mặt kỹ thuật khi kê khai và khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài.

Điều 10: Thuế suất chuẩn / Điều 13-16 – Ưu đãi thuế

Chúng tôi hoan nghênh quy định giảm thuế suất xuống 25%.

Điều 12: Nơi nộp thuế TNDN

Quy định này là một vấn đề có thể tạo ra nhiều rắc rối cho các doanh nghiệp. Hiện nay, các doanh nghiệp chỉ kê khai thuế và nộp thuế TNDN tại nơi có trụ sở chính. Dự thảo Luật lần này lại yêu cầu doanh nghiệp phải kê khai thuế tại từng địa phương và/hoặc nộp thuế tại từng địa phương. Nếu đúng như vậy thì quy định mới này sẽ tạo thêm một gánh nặng hành chính lớn cho các doanh nghiệp có đơn vị ở nhiều tỉnh thành.

Nhiều quốc gia đã cho phép các công ty mẹ nộp tờ khai hợp nhất cho tất cả các công ty con của mình. Chúng tôi không rõ tại sao Việt Nam lại muốn các doanh nghiệp phải kê khai và nộp thuế ở cấp cơ sở.

Điều 13-16, 19 – Ưu đãi thuế

Theo Dự thảo luật, những ưu đãi thuế hiện tại như thời gian miễn thuế và thuế suất ưu đãi sẽ bị giảm. Mức thuế suất 15% không còn được áp dụng, hiện tại các doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi thuế ở hai mức thuế suất là 10% và 20%. Các doanh nghiệp chuyển đổi địa điểm không còn được hưởng ưu đãi về miễn và giảm thuế. Các doanh nghiệp có đầu tư mở rộng cũng sẽ không được miễn giảm thuế mà chỉ được trích khấu hao nhanh với tài sản cố định.

Những quy định mới này không có lợi cho nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty sản xuất trong khu công nghiệp được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ cũng như các doanh nghiệp đang mở rộng kinh doanh.

Hơn nữa, theo Điều 19.3 của Dự thảo luật, thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi, miễn thuế, giảm thuế được tính kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu, thay vì năm đầu tiên có lợi nhuận.

Trước tiên, đây là một dấu hiệu đáng mừng vì những thời điểm khác nhau cho việc áp dụng ưu đãi thuế không còn tồn tại nữa. Tuy nhiên, việc lấy năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu là thời điểm bắt đầu áp dụng ưu đãi thuế không có lợi cho doanh nghiệp. Việc một doanh nghiệp mới thành lập kinh doanh có lãi hoặc có doanh thu chịu thuế trong một hoặc một vài năm đầu là phi thực tế. Rất nhiều doanh nghiệp có doanh thu nhưng chịu lỗ trong thời gian đầu hoạt động kinh doanh, do vậy họ không tận dụng được ưu đãi về miễn thuế trong 2 hoặc 4 năm. Vì thế, việc miễn thuế không hẳn là ưu đãi đối với những doanh nghiệp này.

Chúng tôi hiểu rằng việc Bộ Tài Chính muốn đơn giản hóa chế độ ưu đãi là tích cực. Tuy nhiên, những ưu đãi được đề xuất thấp hơn nhiều so với chế độ hiện hành. Điều này sẽ ảnh hưởng đáng kể đến việc thu hút đầu tư, đặc biệt khi mà

chi phí hoạt động tại Việt Nam trong những năm gần đây tăng lên đáng kể. Khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư của Việt Nam sẽ giảm trong thời gian tới.

Điều 15: Ưu đãi đối với mở rộng đầu tư

Việc được trích khấu hao nhanh không phải là một loại ưu đãi mà chỉ giải quyết vấn đề về mặt thời gian. Một số quốc gia khác trợ cấp vốn cho doanh nghiệp. Ví dụ, nếu một công ty đầu tư 100 để nâng cấp tài sản cố định thì công ty này có thể được trích khấu hao 120%.

Điều 16: Miễn thuế, giảm thuế trong các trường hợp khác

Quy định này rất phức tạp và khó có thể áp dụng trong thực tế. Lợi ích mà quy định này đem lại cho doanh nghiệp không nhiều và không cần thiết. Nếu Chính phủ muốn cho doanh nghiệp hưởng ưu đãi, Chính phủ có thể cho doanh nghiệp hưởng trợ cấp trong từng trường hợp cụ thể. .

Điều 6 (2) rất dễ bị hiểu sai. Khi một nhà đầu tư góp vốn dưới hình thức bằng sáng chế hoặc sở hữu trí tuệ, việc này không tạo ra thu nhập, Do đó, doanh nghiệp sẽ không bị đánh thuế. Thu nhập do nhà đầu tư tạo ra trong trường hợp này là cổ tức nhận được từ phần vốn đầu tư hoặc lợi nhuận từ việc bán cổ phần.

Điều 17: Chuyển lỗ

Dự thảo luật vẫn còn những qui định hạn chế về thời gian chuyển lỗ.

Mục đích của việc thành lập công ty là để tạo lợi nhuận. Không công ty nào muốn kinh doanh thua lỗ. Tuy nhiên, một số dự án đầu tư chỉ có thể sinh lợi nhuận sau khi hoạt động trong một khoảng thời gian dài. Do đó, thời gian chuyển lỗ không nên bị hạn chế trong vòng 5 năm. Một số quốc gia như Malayxia, Đức lại cho phép chuyển lỗ không thời hạn.

Điều 18 (1): Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

Dự thảo thuế thu nhập doanh nghiệp đưa ra một điều khoản mới liên quan đến quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Theo Điều 18.1, công ty được trích tối đa 10% thu nhập chịu thuế hàng năm để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ chỉ được sử dụng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Điều 18.2 cũng qui định mức thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập của doanh nghiệp đó (được tính theo lãi suất trái phiếu kho bạc loại kỳ hạn một năm kể từ ngày trích lập quỹ) nếu quỹ không được sử dụng hoặc được sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích trong khoảng thời gian là 5 năm.

Dự thảo luật không đưa ra định nghĩa về “phát triển khoa học và công nghệ”. Quỹ này không nên chỉ bị hạn chế trong việc phát triển khoa học và công nghệ. Thay vào đó, doanh nghiệp nên được sử dụng quỹ để trả cho công việc nghiên cứu và phát triển trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Điều 20.3 và 20.4: Hiệu lực thi hành

Theo điều 20.3, nếu một doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi thuế theo luật hiện hành (với qui định việc miễn giảm thuế được áp dụng kể từ năm đầu tiên có lãi) chưa có thu nhập chịu thuế, thì việc tính miễn giảm thuế sẽ bắt đầu từ ngày Luật mới có hiệu lực - vào năm 2009. Điều này rất bất lợi cho doanh nghiệp vì hai lý do sau: (i) không được áp dụng ưu đãi được quy định trong luật cũ, (ii) thời gian áp dụng việc miễn giảm thuế mới sẽ bắt đầu ngay cả khi doanh nghiệp chưa tạo doanh thu trong năm 2009 theo qui định của Dự thảo Luật.

Hơn nữa, ý nghĩa của Điều 20.4 không thực sự rõ ràng.

“Trong năm tính thuế 2009, doanh nghiệp thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được lựa chọn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% cùng với các ưu đãi thuế theo quy định tại Điều 10, Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 19 của Luật này cho thời gian còn lại hoặc tiếp tục nộp thuế theo quy định tại khoản 3, Điều này..”

Liệu đoạn trên có nghĩa như sau: nếu một doanh nghiệp đã đang được hưởng ưu đãi thuế thì doanh nghiệp này có thể chọn giữa việc tiếp tục hưởng những ưu đãi thuế này hay liệu doanh nghiệp có thể chuyển sang hưởng ưu đãi thuế theo luật mới, xin áp dụng thời gian được hưởng ưu đãi thuế còn lại theo thuế suất được qui định trong luật mới? Liệu doanh nghiệp có lợi ích gì không khi họ xin áp dụng luật mới với những qui định ít ưu đãi hơn so với luật cũ?

2. Luật về Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Luật về thuế GTGT có những định nghĩa rõ ràng hơn về các thuật ngữ và khái niệm. Tuy nhiên vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng.

Điều 4.11: Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT - Dạy học/ Dạy nghề

Điều 4.11 của Dự thảo Luật thuế GTGT (đã sửa đổi) qui định rằng giáo dục và đào tạo dạy nghề không chịu thuế GTGT (không phải là chịu mức thuế 0%). Việc không thay đổi cách áp thuế GTGT đối với dịch vụ dạy học và dạy nghề khiến chi phí hoạt động của các trường học và trung tâm dạy nghề cao hơn. Vì vậy, Luật thuế này không phản ánh đầy đủ cũng như không có tác dụng hỗ trợ chính sách của chính phủ trong việc khuyến khích sự phát triển của các đơn vị tư nhân hoạt động trong lĩnh vực này trong những năm gần đây.

Điều 4.11: Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT – Các dịch vụ tài chính phái sinh

Sự qui định cụ thể về dịch vụ tài chính phái sinh được miễn thuế GTGT rất được hoan nghênh.

Điều 7.1: Thuế GTGT đối với dịch vụ xuất khẩu – tiêu dùng ngoài Việt Nam

Dự thảo Luật thuế GTGT qui định tại Điều 7.1 rằng dịch vụ xuất khẩu sẽ chịu thuế GTGT ở mức 0%, **bao gồm ...** dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT xuất khẩu chịu mức thuế GTGT 0%. Điều khoản này không mới, tuy nhiên, làm thế nào mà các dịch vụ không chịu thuế GTGT lại chịu thuế GTGT 0%? Những dịch vụ này chỉ có thể hoặc không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT 0%, không thể đồng thời áp dụng cả 2 trường hợp.

Tuy vậy, không có định nghĩa nào cụ thể cho dịch vụ xuất khẩu. Điều này sẽ khiến cho các công ty tiếp tục gặp khó khăn trong việc xác định dịch vụ nào được coi là xuất khẩu. Trên thực tế họ luôn chọn giải pháp an toàn và tính thuế GTGT đối với tất cả các loại dịch vụ. Việc này không công bằng cho những người mua nước ngoài và làm giảm khả năng cạnh tranh của các nhà xuất khẩu dịch vụ của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Điều 9.2: Những hạn chế mới mới trong việc kê khai và khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Dự thảo Luật thuế GTGT qui định thêm điều kiện đối với việc kê khai và khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Hàng hóa, dịch vụ mua vào phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng trừ các trường hợp đặc biệt và hàng hoá, dịch vụ mua từng lần có giá trị thấp. Tuy nhiên chưa có quy định các trường hợp đặc biệt và mức tiền không phải thanh toán qua ngân hàng.

Đây là ví dụ khác về việc Việt Nam hạn chế khấu trừ chi phí cho mục đích tính thuế TNDN và khấu trừ thuế GTGT đầu vào thông qua áp dụng các điều kiện mang tính văn bản, thủ tục. Điều này gây ảnh hưởng chung đến người nộp thuế, những người phải làm đúng thủ tục hơn là những vấn đề lớn trong một nền kinh tế lớn phải đảm bảo được việc kê khai thuế đầy đủ.